

**CÔNG TY TNHH THỜI TRANG OHEE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỜI TRANG OHEE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110123854

**3. Ngày thành lập:** 20/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô 01 A tầng B1, tòa R2 TTTM Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0937720000

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                    | 4511     |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                              | 4641     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh | 4649     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                   | 4659     |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                           | 4669     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đầu giá)       | 8299     |
| 7.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                             | 6201     |
| 8.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                               | 6202     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                  | 6209     |
| 10. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                          | 7020     |
| 11. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                   | 7310     |

|     |                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; | 7410        |
| 13. | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                              | 1311        |
| 14. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                     | 1312        |
| 15. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                   | 1313        |
| 16. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                   | 1391        |
| 17. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                    | 1392        |
| 18. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                    | 1399        |
| 19. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                            | 1410        |
| 20. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                          | 1420        |
| 21. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                      | 1430        |
| 22. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                            | 1512        |
| 23. | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                                                                                                                                                     | 2826        |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                 | 4774        |
| 25. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                  | 4782        |
| 26. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                       | 4784        |
| 27. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                        | 4791        |
| 28. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                   | 4799        |
| 29. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                      | 4933        |
| 30. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                               | 5210        |
| 31. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                          | 5224        |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                   | 5225        |
| 33. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động sản xuất phim video (59112)<br>- Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (59113)                                 | 5911        |
| 34. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4751        |
| 35. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                          | 4771(Chính) |
| 36. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                         | 4772        |

|     |                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NHÂM VĂN KHÁNH

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 12/02/1995

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034095003810

Ngày cấp: 31/08/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Vinh Tiến, Xã Trọng Quan, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Vinh Tiến, Xã Trọng Quan, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Ho và tên: NHÂM VĂN KHÁNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 12/02/1995

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034095003810

Ngày cấp: 31/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn Vinh Tiến, Xã Trọng Quan, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Vinh Tiến, Xã Trọng Quan, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội